

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ 3-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG THEO TIẾP CẬN THAM GIA

Bá Thị Hồng Ánh<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 3-6 tuổi trong trường mầm non có vai trò quan trọng không chỉ đối với sự phát triển của trẻ trong độ tuổi mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến nền tảng thể chất, tinh thần, trí tuệ cho giai đoạn tiếp theo. Do đó việc tổ chức hoạt động này cần được thực hiện khoa học, khách quan, toàn diện, thống nhất, hướng đến sự đa dạng, hợp lý, tạo cơ hội để tất cả các bên liên quan (trẻ em, giáo viên, phụ huynh, cộng đồng, nhà quản lý) được tham gia vào quá trình chăm sóc trẻ. Bài báo phân tích thực trạng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ 3-6 tuổi trong các trường mầm non huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để thấy những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời chỉ ra công tác tổ chức, quản lý, phối hợp cần có những điều chỉnh hướng đến mục tiêu chung của giáo dục mầm non.

**Từ khóa:** Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, thực trạng tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, tiếp cận tham gia.

## 1. MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, giáo dục mầm non ở Việt Nam nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng đã có nhiều bước phát triển tích cực, đặc biệt là trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ lứa tuổi 3–6 tuổi. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo hướng phát triển toàn diện và lấy trẻ làm trung tâm, việc áp dụng tiếp cận tham gia trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày càng được quan tâm và khuyến khích triển khai.

Tiếp cận tham gia là phương pháp nhấn mạnh sự tham gia tích cực của trẻ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và cộng đồng trong quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá các hoạt động chăm sóc và nuôi dưỡng. Phương pháp này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ mà còn giúp phát triển các kỹ năng sống, sự tự lập và tinh thần trách nhiệm ở trẻ ngay từ những năm đầu đời [9].

Theo tiếp cận tham gia, trẻ được chủ động, được chọn lựa, bày tỏ ý kiến, tham gia quyết định; giáo viên, nhân viên được hướng dẫn, hỗ trợ, lắng nghe và khuyến khích tham gia cùng trẻ và phụ huynh; cha mẹ được khuyến khích góp ý, chia sẻ kiến thức và cùng

---

<sup>1</sup> Trường mầm non Minh Đức

thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng; cộng đồng được trao quyền phối hợp linh hoạt với nhu cầu và hứng thú của trẻ [16].

Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ theo tiếp cận tham gia nhấn mạnh vai trò của mỗi lực lượng trong mối quan hệ với các lực lượng khác khi cùng tham gia vào quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ. Quá trình này luôn đặt trẻ ở vị trí trung tâm, là mục tiêu và đích đến của toàn bộ quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng, sao cho trẻ phát triển an toàn và tốt nhất về thể chất, sức khỏe, tâm lí; đồng thời khuyến khích sự phối hợp chặt chẽ và trách nhiệm chung của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phát triển toàn diện cho trẻ [6], [15].

Huyện Thủy Nguyên, một trong những địa phương có hệ thống trường mầm non phát triển nhanh chóng của thành phố Hải Phòng, đang từng bước tiếp cận các phương pháp giáo dục hiện đại, trong đó có tiếp cận tham gia. Tuy nhiên, thực tế triển khai tại các trường mầm non trong huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn và bất cập do trình độ nhận thức của giáo viên và phụ huynh, điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất chưa đồng đều, và sự tham gia của các bên liên quan còn mang tính hình thức, ảnh hưởng của văn hoá, thói quen và những tác động của công nghệ, khoa học kĩ thuật.

Nghiên cứu này sử dụng các phương pháp quan sát, điều tra, phỏng vấn 126 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại 6 trường MN và 60 phụ huynh trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng. Kết quả thu thập được xử lý bằng excel, SPSS, được tổng hợp, phân tích, nhận định, đánh giá dựa trên điểm trung bình, thứ bậc theo thang Likert 4 mức.

## **2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**

### ***2.1. Nội dung hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non***

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) đã chỉ rõ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ bao gồm: chăm sóc về dinh dưỡng; chăm sóc về giấc ngủ; chăm sóc về vệ sinh; chăm sóc về sức khỏe và đảm bảo sự an toàn.

Cụ thể tổ chức chế độ ăn đảo đảm dinh dưỡng hợp lý, hợp vệ sinh, khoa học, đúng giờ, ăn đúng tư thế, rèn kỹ năng tự phục vụ, tạo không khí vui vẻ, nhẹ nhàng trong giờ ăn; không ép trẻ ăn, hình thành thói quen ăn uống lành mạnh và ý thức giữ gìn vệ sinh trong ăn uống.

Tổ chức ngủ, nghỉ bảo đảm thời gian và không gian ngủ phù hợp theo độ tuổi, giờ ngủ khoa học, môi trường yên tĩnh, thoáng mát, sạch sẽ, hướng dẫn trẻ chuẩn bị ngủ, theo dõi giấc ngủ, sức khỏe và tâm lý của trẻ.

Giáo dục vệ sinh cá nhân và môi trường nhằm hình thành kỹ năng vệ sinh cá nhân, phòng tránh bệnh tật, phát triển ý thức giữ gìn vệ sinh chung và cá nhân như rửa tay đúng

cách, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh; đánh răng, rửa mặt, lau người đúng cách; sử dụng nhà vệ sinh sạch sẽ, hộp vệ sinh; biết giữ gìn môi trường lớp học, sân chơi sạch đẹp.

Chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho trẻ, phát hiện sớm nguy cơ bệnh tật và xây dựng nền tảng sức khỏe bền vững, theo dõi biểu hiện sức khỏe hàng ngày, tổ chức cân, đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng định kỳ, phối hợp với y tế địa phương để khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng theo chương trình; tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng bệnh theo mùa; xử lý kịp thời các tình huống liên quan đến sức khỏe.

Đảm bảo an toàn cho trẻ cả trong môi trường vật lý và tâm lý nhằm bảo vệ tính mạng, thân thể và tinh thần trẻ bằng việc sử dụng các thiết bị, đồ dùng đúng quy chuẩn, không nguy hiểm, tổ chức hoạt động phù hợp để tránh tai nạn, thương tích, giáo dục trẻ kỹ năng phòng tránh nguy hiểm, xử lý tình huống đơn giản, thường xuyên kiểm tra, rà soát an toàn thực phẩm, nước uống, phòng học...

Tất cả các hoạt động này cần có sự phối hợp tham gia, chung tay của các lực lượng giáo dục, từ hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức đến cùng hợp tác, chia sẻ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non.

## **2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng**

### **2.2.1. Quy mô số lớp và số trẻ ở trường mầm non**

Địa bàn huyện Thủy Nguyên có 37 trường Mầm non công lập và 7 trường mầm non tư thục. Khoảng cách các trường cách xa nhau từ 2-20 km, trường xa nhất cách trung tâm 17km, giao thông đi lại cũng khá thuận tiện. Số lượng dân cư đông, kèm theo trên địa bàn huyện có nhiều khu công nghiệp nên dân số cơ học chiếm khoảng 2-3%, nhu cầu trẻ ra lớp rất đông, cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế nên số trẻ huy động chủ yếu vẫn ưu tiên cho độ tuổi mẫu giáo, một số trường chỉ nhận trẻ từ 24-36 tháng do thiếu giáo viên và phòng học...

**Bảng 2.1.** Quy mô số lớp, học sinh các trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Năm học 2021- 2022					Năm học 2022 - 2023					Năm học 2023- 2024				
Đại trà		2 buổi/ngày			Đại trà		2 buổi/ngày			Đại trà		2 buổi/ngày		
Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tỉ lệ	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tỉ lệ	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tỉ lệ
615	20926	615	20926	100	627	25519	627	25519	100	631	22472	631	22472	100

(Nguồn: Phòng GD&ĐT huyện Thủy Nguyên)

Tổng số trẻ đã huy động được 22.472 cháu ra lớp, trong đó nhà trẻ: 5.940/14.850 cháu đạt tỷ lệ 40%, mẫu giáo: 16.487/17.012 cháu đạt tỷ lệ 97%; Số trẻ 5 tuổi ra lớp là 5576/5445 cháu đạt 102% (trong đó có 131 cháu ở tỉnh, huyện khác đến học). Tỷ lệ huy động mẫu giáo tăng 1% so với cùng kỳ.

### 2.2.2. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

Hiện nay, đội ngũ giáo viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL) của các trường mầm non đủ về số lượng, trình độ trên chuẩn trên 85%, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn đảm bảo chức trách và nhiệm vụ được giao. Đặc biệt các nhà trường đều có đội ngũ nhân viên (NV) y tế, cấp dưỡng đầy đủ với trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện, phối hợp với GV và các lực lượng khác trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đảm bảo an toàn, khoẻ mạnh và phát triển.

**Bảng 2.2.** Trình độ đào tạo của CBQL, GV, NV các trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Năm học	Tổng số CBQL, GV, NV	Tổng số CBQL, GV, NV	Trình độ CBQL, GV				Trình độ Thạc sĩ	
			Đạt chuẩn		Trên chuẩn		Số lượng CBQL	Số lượng GV, NV
			SL	TL%	SL	TL%		
2021-2022	1.550	1.550	121	11	1.388	89	8	0
2022-2023	1.567	1.567	122	8	1.445	92	15	0
2023-2024	1.560	1.560	103	6,7	1.457	93,3	35	0

(Nguồn: Phòng GD&ĐT Huyện Thủy Nguyên)

Công tác đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên mầm non luôn được thực hiện một cách nghiêm túc theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo. Trên 50% CBQL và hơn 40% số giáo viên được đánh giá xếp loại tốt, không có CBQL, GV nào chưa đạt yêu cầu. Vẫn còn một số GV xếp loại đạt (14,3% năm học 2024-2025) và vẫn có một số giáo viên bỏ nghề.

## 2.2.3. Cơ sở vật chất

**Bảng 2.3.** Thống kê cơ sở vật chất của trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Nội dung		Đơn vị tính	Tổng số
<b>1. Phòng học</b>			650
Trong đó	Kiên cố	Phòng	650
	Bán kiên cố	Phòng	0
	Phòng học nhờ, học tạm	Phòng	0
<b>2. Sân chơi ngoài trời</b>			
Trong đó	Sân chơi có 5 thiết bị đồ chơi trở lên	sân	54
	Sân chơi có dưới 5 thiết bị đồ chơi	sân	10
	Sân chơi không có đồ chơi	Sân	0
<b>2. Phòng, ban, bộ phận chức năng</b>			
Trong đó	Phòng giáo dục âm nhạc	Phòng	30
	Phòng tạo hình	Phòng	30
	Phòng Tiếng anh	Phòng	41
	Phòng y tế		44
	Nhà bếp		44
	Bộ phận kế toán, tài chính		44
	Bộ phận hành chính		44
<b>4. Công trình vệ sinh</b>			
Trong đó	Nhà vệ sinh khép kín lớp học	Nhà	650
	Nhà vệ sinh bên ngoài lớp	Nhà	0
<b>5. Thiết bị đồ dùng đồ chơi</b>			
Trong đó	Số lớp được trang bị đầy đủ Đồ dùng đồ chơi theo TT 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Lớp	650

(Nguồn: Phòng GD&amp;ĐT Huyện Thủy Nguyên)

Về cơ bản cơ sở vật chất của các trường mầm non đã được các cấp chính quyền quan tâm, tạo điều kiện để thực hiện hoạt động giáo dục của nhà trường đạt kết quả. Đặc biệt các nhà trường đều chú trọng và có cơ sở vật chất đầy đủ đảm bảo cho quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tốt nhất như phòng ăn, ngủ nghỉ, nhà vệ sinh, phòng y tế, phòng vận động, âm nhạc, tạo hình... Ngoài ra trong những năm qua công tác xã hội hóa đã thu hút được sự đầu tư của xã hội để hoàn thiện cơ sở vật chất của các trường mầm non.

#### 2.2.4. Thực trạng nhận thức về vai trò của việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở các trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Để đánh giá thực trạng nhận thức về vai trò của việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ chúng tôi đã tiến hành khảo sát tại phòng Giáo dục và 6 trường mầm non trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, với 16 CBQL, 110 GV, NV (y tế, cấp dưỡng) và 60 CMHS. Kết quả thu được đánh giá dựa trên 4 mức:

- Mức 1 : (Tốt/ Rất quan trọng):  $3,25 \leq \bar{X} \leq 4$
- Mức 2: (Khá/ Quan trọng):  $2,50 \leq \bar{X} \leq 3,24$
- Mức 3: (TB/ Ít quan trọng):  $1,75 \leq \bar{X} \leq 2,49$
- Mức 4: (Yếu/ Không quan trọng)  $\leq \bar{X} \leq 1,74$

**Bảng 2.4.** Nhận thức của CBQL, GV, NV các trường mầm non huyện Thủy Nguyên về vai trò của hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ

Nội dung	Mức độ								ĐTB $\bar{X}_i$	Thứ bậc
	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò trong giúp trẻ phát triển thể chất.	100	79.4	10	7.9	10	7.9	6	4.8	3.62	1
2. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp trẻ phòng tránh bệnh tật	90	71.4	20	15.9	12	9.5	4	3.2	3.56	2
3. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò phát hiện các biểu hiện sớm của bệnh suy dinh dưỡng, béo phì, bệnh	80	63.5	25	19.8	12	9.5	9	7.2	3.39	5

Nội dung	Mức độ								ĐTB $\bar{X}_i$	Thứ bậc
	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
học đường và các bệnh khác của trẻ.										
4. Chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp trẻ kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ, các giác quan	85	67.5	20	15.9	11	8.7	10	7.9	<b>3.43</b>	<b>4</b>
5. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp trẻ có hiểu biết, kỹ năng, hình thành thói quen vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng	95	75.5	12	9.5	10	7.9	9	7.1	<b>3.53</b>	<b>3</b>
6. Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp trẻ nhận thức được bản thân	80	63.5	21	16.7	15	11.9	10	7.9	<b>3.36</b>	<b>7</b>
7. Chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp hình thành cho trẻ một số quy tắc thông thường trong sinh hoạt hằng ngày (giao tiếp, ứng xử, hành vi)	75	59.6	26	20.6	16	12.7	9	7.1	<b>3.33</b>	<b>9</b>
8. Chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp trẻ nhận thức được thế giới xung quanh (bạn bè, người thân, thiên nhiên, con vật thân thuộc...)	70	55.5	35	27.8	14	11.1	7	5.6	<b>3.33</b>	<b>9</b>
9. Chăm sóc, nuôi dưỡng có vai trò giúp trẻ hình thành các kỹ năng giao tiếp ứng xử xã hội thích hợp với bạn bè, người thân, người lạ	70	55.5	35	27.8	15	11.9	6	4.8	<b>3.34</b>	<b>8</b>

Nội dung	Mức độ								ĐTB $\bar{X}_i$	Thứ bậc
	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
10. Chăm sóc, nuôi dưỡng giúp trẻ biết thể hiện cảm xúc	80	63.5	20	15.6	16	12.5	12	9.4	3.37	6
<b>Điểm TB</b>									<b>3.43</b>	

Từ kết quả thu được cho thấy CBQL, GV, NV trường mầm non đã nhận thức đúng về vai trò của hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, với ĐTB từ 3.33 đến 3.62, được đánh giá ở mức tốt. Điều này cũng phản ánh sự tương đồng và thống nhất trong ý kiến của các lực lượng; CBQL, GV, NV hiểu rõ tầm quan trọng và mối liên hệ giữa nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng với sự phát triển toàn diện cho trẻ mẫu giáo. Điểm TB chung 3.43 (mức độ tốt) đồng thời phản ánh việc nhận thức đầy đủ về vai trò của hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo không chỉ là chăm sóc dinh dưỡng, sức khoẻ mà còn bao gồm chăm sóc tinh thần, trí tuệ cảm xúc của các em.

Phỏng vấn một số phụ huynh, chúng tôi cũng nhận thấy, cha mẹ đã nhận thức đúng về vai trò của việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ thể hiện ở việc đưa trẻ đến trường sớm và rất tin tưởng vào nhà trường. Phụ huynh V.T.A cho biết: “Tôi rất yên tâm khi đưa con đến trường vì ở đây con được chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt, các con được ăn ngon, ở sạch, được theo dõi sức khoẻ, được rèn luyện các thói quen và học hỏi nhiều điều mới mẻ. Con tôi đi học về luôn vui vẻ và khoẻ mạnh”.

#### 2.2.5. Thực trạng thực hiện nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Thủy Nguyên

**Bảng 2.5.** Ý kiến đánh giá CBQL, GV, NV về thực hiện nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo trong trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Nội dung	Mức độ								$\bar{X}_i$	Thứ bậc
	Tốt		Khá		TB		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
<b>1. Chăm sóc dinh dưỡng</b>										
1.1. Cho trẻ ăn hết suất, ngon miệng.	58	46.0	25	19.8	26	20.6	17	13.5	2.98	2
1.2. Trẻ nhận biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng với cơ thể.	50	39.7	31	24.6	25	19.8	20	15.9	2.88	3

Nội dung	Mức độ								$\bar{X}$	$X_i$	Thứ bậc
	Tốt		Khá		TB		Yếu				
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
<b>1. Chăm sóc dinh dưỡng</b>											
1.3. Thực hiện cân đo, khám sức khỏe định kỳ, theo dõi sự phát triển của trẻ thông qua biểu đồ	60	47.6	26	20.6	30	23.8	10	7.9	<b>3.08</b>	<b>1</b>	
<b>Điểm TB</b>									<b>2.98</b>		
<b>2. Chăm sóc rèn luyện thể chất</b>											
2.1 Trẻ thực hiện việc kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn	55	43.7	33	26.2	28	22.2	10	7.9	<b>3.06</b>	<b>1</b>	
2.2. Trẻ biết kiểm soát và phối hợp các vận động trong nhóm cơ nhỏ	40	31.7	41	32.5	25	19.8	20	15.9	<b>2.80</b>	<b>3</b>	
2.3. Trẻ biết phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động.	45	35.7	40	31.7	20	15.9	21	16.7	<b>2.87</b>	<b>2</b>	
2.4. Trẻ biết biểu hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể.	30	23.8	40	31.7	26	20.6	30	23.8	<b>2.56</b>	<b>4</b>	
<b>Điểm TB</b>									<b>2.82</b>		
<b>3. Chăm sóc giáo dục vệ sinh</b>											
3.1. Rèn cho trẻ có thói quen tốt trong sinh hoạt và vệ sinh cá nhân tự phục vụ.	60	47.6	20	15.9	31	24.6	15	11.9	<b>2.99</b>	<b>2</b>	
3.2. Thực hiện chế độ sinh hoạt một ngày cho trẻ phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi	55	43.7	20	15.9	27	21.4	24	19.0	<b>2.84</b>	<b>3</b>	
3.3. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ	60	47.6	25	19.8	22	17.5	19	15.1	<b>3.00</b>	<b>1</b>	
3.4. Tổ chức cân, đo, vào biểu đồ tăng trưởng cho trẻ.	42	33.3	30	23.8	34	27.0	20	15.9	<b>2.75</b>	<b>4</b>	

Nội dung	Mức độ								$\bar{X}$ $\frac{X_i}{n}$	Thứ bậc
	Tốt		Khá		TB		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
<b>1. Chăm sóc dinh dưỡng</b>										
3.5. Phòng tránh dịch bệnh theo mùa cho trẻ	35	27.8	22	17.4	30	23.8	39	31.0	<b>2.42</b>	<b>5</b>
<b>Điểm TB</b>									<b>2.80</b>	
<b>4. Chăm sóc sức khỏe và bảo vệ an toàn</b>										
4.1. Phòng tránh dịch bệnh theo mùa cho trẻ	50	39.7	20	15.9	31	24.6	25	19.8	<b>2.75</b>	<b>2</b>
4.2. Phòng tránh các bệnh học đường.	35	27.8	30	23.8	37	29.4	24	19.0	<b>2.60</b>	<b>4</b>
4.3. Tổ chức thực hiện các chương trình y tế học đường.	30	23.8	30	23.8	30	23.8	36	28.6	<b>2.43</b>	<b>5</b>
4.4. Trẻ biết tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe	60	47.6	25	19.8	22	17.5	19	15.1	<b>3.00</b>	<b>1</b>
4.5. Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn	40	31.7	30	23.8	34	27.0	22	17.5	<b>2.70</b>	<b>3</b>
4.6. Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	25	19.8	32	25.4	30	23.8	39	31.0	<b>2.34</b>	<b>6</b>
<b>Điểm TB</b>									<b>2.64</b>	
<b>Điểm trung bình chung</b>									<b>2.81</b>	

Qua kết quả Bảng 2.5 cho thấy, việc thực hiện các nội dung được đánh giá ở mức độ khá, điểm TBC là 2.81 và có sự chênh lệch giữa các nội dung, trong đó nội dung chăm sóc dinh dưỡng được đánh giá cao nhất (ĐTB 2.98). Điều này được thể hiện ở việc nhà trường đã chú trọng thực đơn, thực phẩm, khẩu phần ăn, kiểm tra sức khỏe, kết hợp với chăm sóc vệ sinh cá nhân, chế độ luyện tập vận động khoa học sẽ giúp trẻ phát triển toàn diện, hài hoà, cân đối, khoẻ mạnh. Hiệu quả việc thực hiện các nội dung cho thấy sự tham gia, phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng trong tất cả các nội dung chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe, thể chất và an toàn của trẻ. Tuy nhiên, “nếu sự tham gia và phối hợp này được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ hơn trong các hoạt động hàng ngày ở trường, thì hiệu quả sẽ tốt hơn nữa”, cô giáo T.T.H lí giải.

Đồng thời với việc khảo sát ý kiến CBQL, GV, NV, chúng tôi tiến hành quan sát và hỏi ý kiến CMHS, kết quả cho thấy, CMHS đánh giá cao việc thực hiện nội dung chăm sóc, rèn luyện thể chất. Lí giải điều này, phụ huynh V.K.L cho biết: “CMHS rất quan tâm đến sức khỏe của con cái và muốn cơ thể con khỏe mạnh, các cơ quan phát triển, vận động nhanh nhẹn, thành thạo, linh hoạt. Ở trường các cô giáo làm thường xuyên và tốt hơn bố mẹ làm ở nhà”.

Như vậy, để thực hiện các nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hiệu quả cần có sự tham gia, phối hợp của CBQL, GV, NV và cha mẹ trẻ, cần thực hiện chăm sóc cả dinh dưỡng, sức khỏe, an toàn, vệ sinh và rèn luyện thể chất toàn diện. Điều này được cô Đ.N.D, nhân viên cấp dưỡng nhà trường lí giải: “Nhà trường có thể thực hiện những nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các con đúng yêu cầu, đủ quy định, hợp với điều kiện kinh tế, hỗ trợ của địa phương và cha mẹ, song vẫn không thể so sánh với việc cha mẹ chăm sóc dinh dưỡng cho con ở trong gia đình. Nhưng cha mẹ lại chưa thực hiện việc chăm sóc rèn luyện thể chất, thể lực cho các con tốt bằng các hoạt động được thực hiện bài bản, khoa học ở nhà trường”.

#### 2.2.6. Thực trạng các phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Để đánh giá mức độ thực hiện phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi ở trường mầm non huyện Thủy Nguyên, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của các lực lượng giáo dục, kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.6.** Ý kiến đánh giá của CBQL, GV, NV về thực hiện phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo trong trường mầm non huyện Thủy Nguyên

Nội dung	Mức độ								$\bar{X}$ $X_i$	Thứ bậc
	Tốt		Khá		TB		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm.	50	39.7	31	24.6	25	19.8	20	15.9	<b>2.88</b>	<b>3</b>
2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa	50	39.7	30	23.8	28	22.2	18	14.3	<b>2.89</b>	<b>2</b>
3. Nhóm phương pháp thực hành	30	23.8	30	23.8	30	23.8	36	28.6	<b>2.43</b>	<b>5</b>
4. Nhóm các phương pháp dùng ngôn ngữ nói (trò	60	47.6	25	19.8	22	17.5	19	15.1	<b>3.00</b>	<b>1</b>

Nội dung	Mức độ								$\bar{X}$ $X_i$	Thứ bậc
	Tốt		Khá		TB		Yếu			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
chuyện, kể chuyện, giải thích)										
5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương	35	27.8	35	27.8	34	27.0	22	17.5	<b>2.66</b>	<b>4</b>
<b>Điểm TB</b>									<b>2.77</b>	

Kết quả khảo sát cho thấy CBQL, GV, NV đánh giá việc thực hiện phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ là thống nhất, ở mức độ khá (điểm TBC 2.77), trong đó Nhóm phương pháp dùng ngôn ngữ nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích) được đánh giá cao nhất (ĐTB 3.00) và Nhóm phương pháp thực hành được đánh giá thấp nhất (ĐTB 2.43). Thực trạng này phản ánh việc sử dụng đồng đều các nhóm phương pháp khác nhau trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của CB, GV, NV nhà trường. Cô giáo H.M.U cho rằng: “Để hiệu quả công tác tốt hơn cần chú ý hơn những điều kiện, công cụ, phương tiện hỗ trợ GV, NV như phòng học, nhà bếp, nhà vệ sinh, sân chơi, có đầy đủ đồ dùng, thiết bị phục vụ ăn, ngủ, vệ sinh vui chơi, phòng cháy chữa cháy, chống trơn trượt, tránh va đập...”

Qua quan sát và phỏng vấn thêm, Cô N.T.H (trường MN Thủy Đường) cho rằng phương pháp đánh giá nêu gương cũng rất hiệu quả trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Việc nêu gương không có nghĩa là chê trách trẻ này hay đề cao trẻ khác mà ở đây trẻ được đối xử công bằng, hỗ trợ trẻ trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Việc kết hợp các phương pháp khác nhau là cần thiết và đòi hỏi có sự tham gia tích cực hơn nữa từ cha mẹ và cộng đồng.

Trong khi đó, kết quả quan sát và hỏi ý kiến từ phụ huynh cho thấy, CMHS đánh giá thực hiện phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo bằng tình cảm, bằng trực quan sẽ mang lại hiệu quả cao hơn đối với trẻ. Phụ huynh T.Đ.T cho rằng: “Các con còn nhỏ nên đều thích được khen ngợi và thích học qua bắt chước; trong khi ở gia đình nhiều bố mẹ khá bận rộn và không dành thời gian cho con, bố mẹ cũng chưa biết kiểm chế cảm xúc tiêu cực nên có thể gây ảnh hưởng không tốt đến trẻ. Vì vậy các phương pháp cô làm ở trường sẽ tác động nhiều và có hiệu quả hơn với các con.”

2.2.7. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Thủy Nguyên

**Bảng 2.7.** Ý kiến đánh giá của CBQL, GV, NV và CMHS về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo

TT	Nội dung	Mức độ								$\bar{X}$	Thứ bậc
		Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quan điểm chỉ đạo của các cấp quản lý về giáo dục mầm non	80	63.5	18	14.3	12	9.5	16	12.7	<b>3.29</b>	<b>5</b>
2	Nhận thức và năng lực của Hiệu trưởng trường mầm non trong việc chỉ đạo hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ	110	87.3	11	8.7	5	4.0	0	0.0	<b>3.83</b>	<b>1</b>
3	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của giáo viên, nhân viên	105	83.3	11	8.7	5	4.0	5	4.0	<b>3.71</b>	<b>2</b>
4	Đặc điểm tâm lý sinh trẻ	80	63.5	18	14.3	13	10.3	15	11.9	<b>3.29</b>	<b>5</b>
5	Sự phối hợp của CMHS về việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ	85	67.5	16	12.7	12	9.5	13	10.3	<b>3.37</b>	<b>4</b>
6	Điều kiện kinh tế của các gia đình, địa phương	70	55.6	20	15.9	20	15.9	16	12.7	<b>3.14</b>	<b>6</b>

TT	Nội dung	Mức độ								$\bar{X}$	Thứ bậc
		Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
7	Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị	90	71.4	10	7.9	16	12.7	10	7.9	3.43	3
	<b>Điểm TB</b>									<b>3.44</b>	

Kết quả khảo sát cho thấy có nhiều yếu tố tác động và các yếu tố này được CBQL, GV, NV, CMHS đánh giá rất ảnh hưởng đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ (ĐTB 3.44). Trong đó yếu tố ảnh hưởng lớn nhất là nhận thức và năng lực chỉ đạo của CBQL (ĐTB 3.83), trình độ chuyên môn của GV, NV (ĐTB 3.71) và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc (ĐTB 3.43). Điều này phản ánh thực tế là công tác chỉ đạo luôn đóng vai trò định hướng cho mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường; năng lực chuyên môn của đội ngũ là yếu tố then chốt, quyết định chất lượng, hiệu quả của hoạt động và cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ cho kết quả đạt được tốt hơn.

Qua quan sát và trò chuyện với GV, NV, CMHS, chúng tôi cũng nhận thấy các lực lượng này cũng đề cập đến các yếu tố khách quan có tác động đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo, đó là bối cảnh xã hội hiện đại, sự chung tay của cộng đồng. Cô N.T.T và phụ huynh V.T.B cho rằng “Sự phát triển của khoa học, công nghệ, các phương tiện kỹ thuật hiện đại ngày nay cũng ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở gia đình và nhà trường”. Thầy cô và cha mẹ không chỉ chăm sóc dựa trên kiến thức, chuyên môn mình đã tích lũy mà cần luôn học hỏi, đổi mới, chia sẻ những kiến thức khoa học mới để thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng hiệu quả hơn. Sự tham gia tích cực của cha mẹ, cộng đồng vào các hoạt động chăm sóc cả ở nhà và ở trường, cả trong gia đình và ngoài xã hội là không thể thiếu.

### 3. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được nhận thức đúng, được thực hiện với các nội dung và phương pháp phù hợp, đã đạt được kết quả qua các năm học. Công tác này cũng nhận được sự chung tay của gia đình và cộng đồng trong quá trình thực hiện và phối hợp. Tuy nhiên, mức độ tham gia và đóng góp của các lực lượng ngoài trường còn chưa thường xuyên, chưa nhất quán từ khâu lập kế hoạch chăm sóc đến kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả. Cần tăng cường các hoạt động của cha

mẹ và cộng đồng trong quá trình thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, khuyến khích sự tham gia tích cực các lực lượng này trong mọi hoạt động giáo dục ở trên lớp, ở các phòng chức năng trong trường, ở mọi thời điểm (giờ đón, trả trẻ, giờ ăn, ngủ, hoạt động, vận động, chơi, tập...). Đặc biệt cần có những biện pháp quản lý các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ đồng bộ, khách quan, khoa học hơn theo tiếp cận tham gia, coi trọng sự chung tay, đồng lòng hướng đến mục tiêu lấy trẻ làm trung tâm, phát triển toàn diện cho trẻ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021: Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) *Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 ban hành Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.*
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ trường mầm non.*
5. Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Thanh Giang (2017), *Hướng dẫn thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non*, Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
6. Lê, H. T., & Nguyễn, V. A. (2019), *Phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, 45(2), tr.123–132.
7. Phạm Thị Lan. (2016), *Quản lý giáo dục mầm non*, Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
8. Phạm, M. K. (2020), *Vai trò của cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục mầm non tại Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục Mầm non, 55(3), tr.89–97.
9. Lưu Thị Nam (2017) *Chăm sóc giáo dục trẻ theo hướng tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm tại trường mầm non thực hành Hoa Thủy Tiên*, Tạp chí Giáo dục.
10. Phạm Thị Nhuận. (Chủ biên) (2014), *Giáo trình phòng bệnh cho trẻ mầm non*, TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ.
11. Lê Danh Tuyên, Lê Bạch Mai, Đỗ Thị Phương Hà (2016), *Hướng dẫn sử dụng bộ tháp dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em 3–5 tuổi giai đoạn 2016–2020.*
12. Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2019.*

13. Elliott, A. (2006), *Early childhood education: Pathways to quality and equity for all children* (Australian Education Review), Australian Council for Educational Research.
14. Nikitina, S. V. (2010), *The key role of staff in providing quality pre-school education*, Journal of Education and Practice, 1(3), pp.12–18.
15. Vũ, L. T. (2019), *Phát triển quan hệ cộng đồng trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non* (Luận án Tiến sĩ), Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
16. Weiss, H. B., Lopez, M. E., & Rosenberg, H. (2016), *Beyond random acts: Family, school, and community engagement as an integral part of education reform*, Harvard Family Research Project, Harvard Graduate School of Education, Truy cập từ <https://www.gse.harvard.edu/hfrp>

**THE CURRENT SITUATION OF ORGANIZING CARE AND NURTURING  
ACTIVITIES FOR CHILDREN AGED 3–6 AT PRESCHOOLS IN THUY NGUYEN  
DISTRICT, HAI PHONG CITY FROM A PARTICIPATORY APPROACH**

*Ba Thi Hong Anh*

**Abstract:** *Care and nurturing activities for children aged 3 to 6 at preschools play a crucial role not only in the development of children at this stage but also in laying the foundation for their physical, mental, and intellectual growth in later stages. Therefore, organizing these activities requires a scientific, objective, comprehensive, and consistent approach-ensuring diversity and rationality-while creating opportunities for the participation of all stakeholders (children, teachers, parents, the community, and administrators) in the caregiving process. This article analyzes the current situation of care and nurturing activities for 3-6-year-old children at preschools in Thuy Nguyen District, Hai Phong City. It highlights both the advantages and difficulties encountered during implementation, while also pointing out the necessary adjustments in organization, management, and cooperation to align with the overall goals of early childhood education.*

**Keywords:** *Childcare activities, nurturing activities, organization of care and nurturing activities, current situation of care and nurturing, participatory approach.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-9-2025; ngày phản biện đánh giá: 08-10-2025; ngày chấp nhận đăng: 29-10-2025)*